TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:45/2023/DS-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Dhiễu HMok
2. Ông Nguyễn Văn Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST- DS ngày 27/02/2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-ST ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2023/QĐST-DS ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP LV.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Thái Tùng L – Giám đốc Ngân hàng TMCP LV- Chi nhánh Đ (Theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc chi nhánh).

Địa chỉ: 286 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hồ Thế D. Địa chỉ: Số 611 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đ.Q.L, sinh năm 1981 và bà N.T.H.L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Vào ngày 22/6/2020, Ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP L.V - Chi Nhánh Đ -Phòng Giao dịch K theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD74B20200097 để vay số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Mục đích thanh toán các chi phí nông nghiệp nông thôn và tiêu dùng. Thời hạn cho vay 48 tháng. Hình thức trả nợ như sau: Trả nợ gốc: Ngày 22/6/2021 trả 50.000.000 đồng;

Ngày 22/6/2022 trả 50.000.000 đồng; Ngày 22/6/2023 trả 60.000.000 đồng; Ngày 22/6/2024 trả 70.000.000 đồng. Trả nợ lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc và theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân cho ông L và bà L 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Tiếp đến ngày 01/7/2021, ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP L.V – Chi Nhánh Đ -Phòng Giao dịch K theo Hợp đồng tín dụng số HDTD74B20210078 để vay 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) Mục đích thanh toán các chi phí nông nghiệp (Chăm sóc cà phê, tiêu...). Thời hạn cho vay 36 tháng. Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc: Ngày 22/6/2022 trả 15.000.000 đồng; Ngày 22/6/2023 trả 15.000.000 đồng; Ngày 22/6/2024 trả 20.000.000 đồng; Trả nợ lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc và theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà L 50.000.000 đồng.

Đến ngày 07/9/2021, ông L và bà L kí Hợp đồng thẻ tín dụng số 100005241246: Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng). Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay: Từ ngày 07/9/2021 đến hết ngày 01/9/2024. Phương thức cho vay: Thẻ tín dụng. Mục dích sử dụng vốn: Tiêu dùng thẻ tín dụng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông L và bà L đã thế chấp các tài sản sau:

-Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 578190, do UBND Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 19/6/2017, thuộc thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 79; Địa chỉ thừa đất: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 5391,1m^2, mang tên ông L bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

- Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số: CM595055, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 22/8/2018 thuộc thửa đất số: 223 Tờ bản đồ số: 38; Địa chỉ thừa đất: Phường A, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 125.5m^2, mang tên ông L, bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L và bà L có trả được cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết. Nay Ngân hàng TMCP L.V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP L.V tính đến ngày xét xử 15/9/2023 là: 317.210.695đ (Ba trăm mười bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm chín lăm đồng**)**, cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD74B20200097 ký ngày 22/06/2020 với tổng số tiền: 242.900.492 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn bốn trăm chín hai đồng*), cụ thể: Nợ gốc 179.999.919 đồng. Nợ lãi 54.286.513 đồng, trong đó: Tiền lãi nợ trong hạn 43.565.945 đồng, Tiền lãi nợ quá hạn 10.720.568 đồng, Lãi phạt 8.614.060 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số: HDTD74020210078 ký ngày 01/07/2021 với số tiền là 66.919.185 đồng *(Sáu mươi sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm tám*

lăm đồng), cụ thể: Nợ gốc 50.000.000 đồng, Nợ lãi: 14.534.685 đồng, trong đó: Tiền lãi trong hạn: 11.451.507đồng; Tiền lãi quá hạn: 3.083.178 đồng, Lãi phạt: 2.384.500 đồng.

- Và nợ thẻ tín dụng là 7.371.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 4.072.530đ, lãi 2.779.558đ, phạt chậm trả 518.930đ.

Và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 16/9/2023 cho đến khi ông L và bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Đ.Q.L trình bày:

Vào ngày 22/6/2020, vợ chồng tôi có vay vốn tại Ngân hàng TMCP L.V - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch K với số tiền là 230.000.000 đồng. Đến tháng 6/2021 tôi đã trả cho Ngân hàng được 50.000.000 đồng nợ gốc.

Tiếp đến ngày 01/7/2021, vợ chồng tôi có vay của Ngân hàng TMCP L.V số tiền 50.000.000 đồng, hiện nay chưa thanh toán.

Và tôi có nợ thẻ tín dụng của Ngân hàng là 7.371.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 4.072.530đ, lãi 2.779.558đ, phạt chậm trả 518.930đ.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, vợ chồng tôi đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

-Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 578190, do UBND Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 19/6/2017, thuộc thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 79; Địa chỉ thừa đất: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 5391,1m^2, mang tên ông L, bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

- Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số: CM595055, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 22/8/2018 thuộc thửa đất số: 223 Tờ bản đồ số: 38; Địa chỉ thừa đất: Phường A, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 125.5m^2, mang tên ông L, bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ Ngân hàng TMCP L.V tính đến ngày 15/9/2023 là: 317.210.695đ (Ba trăm mười bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng) cụ thể như đại diện ngân hàng trình bày. Ý kiến của vợ chồng tôi xin trả dần số nợ trên.

-Đối với bị đơn bà N.T.H.L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp

chứng cứ và hoà giải với bà L được.Tại phiên toà bà L đồng ý với lời trình bày của ông Đ.Q.L và không bổ sung gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông L, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L.V tổng số tiền tính đến ngày xét xử 15/9/2023 là: 317.210.695đ (Ba trăm mười bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm chín lăm đồng**)**, cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD74B20200097 ký ngày 22/06/2020 với tổng số tiền: 242.900.492 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn bốn trăm chín hai đồng*), cụ thể: Nợ gốc 179.999.919 đồng. Nợ lãi 54.286.513 đồng, trong đó: Tiền lãi nợ trong hạn 43.565.945 đồng, Tiền lãi nợ quá hạn 10.720.568 đồng, Lãi phạt 8.614.060 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số: HDTD74020210078 ký ngày 01/07/2021 với tổng là 66.919.185 đồng *(Sáu mươi sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm tám lăm đồng*), cụ thể: Nợ gốc 50.000.000 đồng, Nợ lãi 14.534.685 đồng, trong đó: Tiền lãi trong hạn 11.451.507đồng; Tiền lãi quá hạn 3.083.178 đồng, Lãi phạt 2.384.500 đồng.

-Và nợ thẻ tín dụng là 7.391.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 4.072.530đ, lãi 2.799.558đ, phạt chậm trả 518.930đ.

Và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 16/9/2023 cho đến khi ông L và bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 22/6/2020, ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP L.V - Chi Nhánh Đ - Phòng Giao dịch K theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD74B20200097. Số tiền vay: 230.000.000 đồng. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí nông nghiệp nông thôn và tiêu dùng. Thời hạn cho vay: 48 tháng, Lãi suất 11%/năm; Hình thức trả nợ như sau: Trả nợ gốc: Ngày 22/6/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 22/6/2022 trả 50.000.000 đồng; Ngày 22/6/2023 trả 60.000.000 đồng; Ngày 22/6/2024 trả 70.000.000 đồng. Trả nợ lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc và theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân cho ông L và bà L 230.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 01/7/2021, ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP L.V– Chi Nhánh D -Phòng Giao dịch K theo Hợp đồng tín dụng số HDTD74B20210078 để vay 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Mục đích cho vay thanh toán các chi phí nông nghiệp (Chăm sóc cà phê, tiêu...). Lãi suất 10,5%/năm; Thời hạn cho vay: 36 tháng.

Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc: Ngày 22/6/2022 trả 15.000.000 đồng; Ngày 22/6/2023 trả 15.000.000 đồng; Ngày 22/6/2024 trả 20.000.000 đồng; Trả nợ lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc và theo dư nợ thực tế.

Đến ngày 07/9/2021, ông L kí hợp đồng thẻ tín dụng số: 100005241246: Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay: Từ ngày 07/9/2021 đến hết ngày 01/9/2024. Phương thức cho vay: Thẻ tín dụng. Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng thẻ tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L và bà L trả được cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm đối với các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên. Do vậy, nay Ngân hàng yêu cầu ông L, bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP L.V tổng số tiền tính đến ngày xét xử 15/9/2023 là: 317.210.695đ (*Ba trăm mười bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm chín lăm đồng*) gốc và lãi suất theo các hợp đồng cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD74B20200097 ký ngày 22/06/2020 với tổng số tiền: 242.900.492 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn bốn trăm chín hai đồng*), cụ thể:

+ Nợ gốc 179.999.919 đồng. Nợ lãi 54.286.513 đồng, trong đó: Tiền lãi nợ trong hạn 43.565.945 đồng, Tiền lãi nợ quá hạn 10.720.568 đồng, Lãi phạt 8.614.060 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD74020210078 ký ngày 01/07/2021 với số tiền là 66.919.185 đồng *(Sáu mươi sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm tám lăm đồng*), cụ thể: Nợ gốc 50.000.000 đồng, Nợ lãi 14.534.685 đồng, trong đó Tiền lãi trong hạn 11.451.507đồng; Tiền lãi quá hạn 3.083.178 đồng, Lãi phạt 2.384.500 đồng.

- Và nợ thẻ tín dụng là 7.391.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 4.072.530đ, lãi 2.799.558đ, phạt chậm trả 518.930đ.

Và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 16/9/2023 cho đến khi ông L và bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với hợp đồng tín dụng, phù hợp với các Điều 463; 466; 468 BLDS và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[3]Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân Hàng TMCP L.V, HĐXX xét thấy: Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông L và bà L đã thế chấp các tài sản sau:

Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 578190, do UBND Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 19/6/2017, thuộc thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 79; Địa chỉ thừa đất: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 5391,1m^2, mang tên ông L, bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

- Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số: CM595055, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 22/8/2018 thuộc thửa đất số: 223 Tờ bản đồ số: 38; Địa chỉ thừa đất: Phường A, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích: 125.5m^2, mang tên ông L, bà L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020.

Vì vậy xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết Trường hợp ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 để thu hồi nợ cho ngân hàng, HĐXX xét thấy phù hợp với hợp đồng thế chấp, phù hợp với các Điều 317; 318; 320; 321; 322; 323 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[4]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ các Điều 317; 318; 320; 321; 322; 323; 463; 466; 468 Bộ Luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L.V .

1. Buộc ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L phải trả cho Ngân hàng TMCP L.V tổng số tiền tính đến ngày xét xử 15/9/2023 là: 317.210.695đ (*Ba trăm mười bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm chín lăm đồng*) theo các hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số HDTD74B20200097, ngày 22/06/2020 với tổng số tiền: 242.900.492 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn bốn trăm chín hai đồng*), cụ thể Nợ gốc 179.999.919 đồng. Nợ lãi 54.286.513 đồng, trong đó: Tiền lãi nợ trong hạn 43.565.945 đồng, Tiền lãi nợ quá hạn 10.720.568 đồng, Lãi phạt 8.614.060 đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD74020210078, ngày 01/07/2021 với tổng số tiền là 66.919.185 đồng *(Sáu mươi sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm tám lăm đồng*), cụ thể: Nợ gốc 50.000.000 đồng, Nợ lãi 14.534.685 đồng, trong đó: Tiền lãi trong hạn 11.451.507đồng; Tiền lãi quá hạn 3.083.178 đồng, Lãi phạt 2.384.500 đồng.

- Và nợ thẻ tín dụng là 7.391.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 4.072.530đ, lãi 2.799.558đ, phạt chậm trả 518.930đ.

Và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 16/9/2023 cho đến khi ông L và bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097A/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0097B/2020/HĐTC/PGDKRONGBUK, ngày 19/6/2020 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L phải chịu 15.861.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L.V số tiền 6.979.000 (*Sáu triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018426, ngày 23/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Đ.Q.L và bà N.T.H.L phải chịu 1.800.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L.V số tiền 1.800.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được của ông Lợi, bà Linh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hường